|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 6.1 |
| Use case name | Đổi trả đơn hàng |
| Description | Là người bán, tôi muốn đổi trả đơn hàng cho khách hàng |
| Actors | Người bán |

|  |  |
| --- | --- |
| Priority | Medium |
| Triggers | Người bán chọn mở chức năng bảo hành sản phẩm vào mục đổi, trả đơn hàng, |
| Pre – conditions | * Đơn hàng đã được mua trong vòng 7 ngày * Mã đơn hàng khớp với đơn hàng đã được bán ở cửa hàng |
| Post – conditions | * Người mua được đổi trả sản phẩm * Thông tin bảo hành được lưu vào hệ thống |
| Main flow | 1. Nhập tra mã đơn hàng 2. Kiểm tra quyền đổi trả 3. Tạo hóa đơn đổi hàng 4. Lưu thông tin bảo hành |
| Alternative flow | 3a. Hủy đơn hàng và hoàn tiền cho khách ( nếu khách muốn trả hàng) |
| Exception flow | 1a. Nếu mã đơn hàng không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo “ không tìm thấy đơn hàng” và kết thúc.  2a. Nếu đơn hàng đã được mua quá 7 ngày, hệ thống hiển thị “đơn hàng đã quá hạn đổi trả” và kết thúc. |